TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 238/2020/HS-PT
Ngày 18 tháng 5 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Phan Tô Ngọc;

Ông Phan Nhựt Bình.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 524/2018/HSPT ngày 14 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn Ph và các bị cáo khác; Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 266/2018/HS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

1/. **Nguyễn Văn Ph,** giới tính: nam; sinh năm 1964 tại Thành phố Hồ Chí Minh; trú tại: đường C, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: đường M, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Văn K (chết) và con bà Trần Thị Ng (chết); hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ (không đăng ký kết hôn), chưa có con; tiền sự: không;

Tiền án:

- Ngày 13/12/1991, bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt 06 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản công dân" và 01 năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tổng hợp hình phạt là 07 năm tù (theo Bản án số 48/HSST ngày 13/12/1991). Bị cáo chấp hành án đến ngày 23/3/1992 thì trốn khỏi nơi giam.

- Ngày 25/7/1995, bị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản công dân", 02 năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác

phạm tội mà có" và 01 năm tù về tội "Trốn khỏi nơi giam", tổng hợp hình phạt với Bản án số 48 ngày 13/12/1991 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, buộc bị cáo chấp hành tổng cộng 11 năm 01 tháng 03 ngày tù (theo Bản án số 88/HSST ngày 25/7/1995). Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào tháng 11/2001.

- Ngày 28/9/2005, bị Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" (theo Bản án số 255/HSST ngày 28/9/2005). Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 25/7/2007. Qua xác minh về việc thi hành án dân sự: Chi cục Thi hành án dân sự quận G chưa thụ lý hồ sơ.

- Ngày 27/4/2010, bị Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" (theo Bản án số 63/HSST ngày 27/4/2010). Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 31/11/2012. Qua xác minh về việc thi hành án dân sự: Ph chưa thi hành xong bản án trên.

Nhân thân: Ngày 16/9/1981, bị Công an Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành vi "Trộm cắp tài sản" (không có hồ sơ lưu trữ về hình thức xử lý, bị cáo khai nhận bị đưa đi cưỡng bức lao động trong 09 tháng).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/11/2015. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Ph:

+ Luật sư Lưu Tấn Anh T và Luật sư Trần Đăng S – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

+ Luật sư Võ Đan M – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2/. **Trần Thanh C**; giới tính: nam; sinh năm 1981 tại Thành phố Hồ Chí Minh; trú tại: đường B, Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Tổ 193, Ấp 4, xã B1, huyện B2, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 01/12; nghề nghiệp: không; con ông Lê Thanh T (có tên gọi khác là Lê Thanh C) và bà Trần Thị Ph; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ (không đăng ký kết hôn) và 01 người con (sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/11/2015. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo C: Luật sư Trần Đăng S – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3/. **Nguyễn Tuấn K,** giới tính: nam; sinh năm 1973 tại Thành phố Hồ Chí Minh; trú tại: đường C1, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (K đã bị xóa hộ khẩu từ năm 2005); chỗ ở: Đường A, Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Thuần T (chết) và con bà Phan Thị L (chết); hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không;

Tiền án:

- Ngày 10/02/1996, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản của công dân" (theo Bản án số 31/HSST ngày 10/02/1996).

- Ngày 08/5/1997, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp giật tài sản của công dân" (theo Bản án số 722/HSST ngày 08/5/1997).

- Ngày 08/9/2000, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" (theo Bản án số 2353/HSST ngày 08/9/2000).

- Ngày 24/5/2005, bị Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" (theo Bản án số 58/HSST ngày 24/5/2005).

- Ngày 04/6/2010, bị Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (theo Bản án số 84/HSST ngày 04/6/2010), đến ngày 15/01/2015 thì chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/01/2016. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo K: Luật sư Nguyễn Thị Kim A – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

4/. **Trần Quang H,** giới tính: nam; sinh năm 1980 tại Hưng Yên; trú tại: thôn N, xã Tr, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: không; con ông Trần Văn M và con bà Nguyễn Thị R; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ (đã ly hôn) và 01 người con (sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/01/2016. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo H: Luật sư Nguyễn Kim L – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

5/. **Đỗ Thái D,** giới tính: nam; sinh năm 1991 tại Hải Phòng; trú tại: tổ 40, Cụm 7, phường Đ, quận Ng, Thành phố Hải Phòng; trình độ học vấn: 4/12; nghề nghiệp: không; con ông: Đỗ Mạnh H và bà Chu Thị Th; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ và 02 người con (con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 24/11/2005, bị Tòa án nhân dân quận Ng, thành phố Hải Phòng xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp tài sản" (theo Bản án số 169/HSST ngày 24/11/2005); Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/01/2016. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo D: Luật sư Nguyễn Văn S – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

6/. **Võ Xuân T,** giới tính: nam; sinh năm 1959 tại Hà Nội; trú tại: đường Ng, phường Đ1, quận L, Thành phố Hà Nội; chỗ ở: Tổ 2, phường Tr, thị xã Ph, tỉnh Vĩnh Phúc; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: không; con ông Võ Xuân H và con bà Nguyễn Thị Th; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ và 03 người con (con lớn nhất sinh năm 1984, con nhỏ nhất sinh năm 1990); tiền sự: không;

Tiền án: Ngày 15/6/2011, bị Tòa án nhân dân huyện S, Thành phố Hà Nội xử phạt 42 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" (theo Bản án số

89/2011/HSST ngày 15/6/2011), đến ngày 30/7/2014 thì bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Nhân thân:

- Ngày 31/3/1981, bị Tòa án nhân dân huyện G1, Thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản riêng của công dân" (theo Bản án số 29/HS2 ngày 31/3/1981), đến ngày 23/6/1981 thì chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 20/10/1984, bị Công an huyện M, Thành phố Hà Nội bắt về hành vi "Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", sau đó bị xử phạt hành chính.

- Ngày 27/9/1985, bị Công an huyện M, Thành phố Hà Nội bắt về hành vi "Trộm cắp tài sản", sau đó bị xử phạt hành chính.

- Ngày 02/3/1987, bị Công an huyện G1, Thành phố Hà Nội bắt về hành vi "Đánh bạc", sau đó bị xử phạt hành chính.

- Ngày 19/11/1991, bị Tòa án nhân dân huyện M, Thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" (theo Bản án số 75/HSST ngày 19/11/1991).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/01/2016. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo T: Luật sư Tạ Thanh Ph – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

7/. **Tăng Thị L**, giới tính: nữ; sinh năm 1969 tại Campuchia; trú tại: ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh Tây Ninh; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: không; con ông Tăng Văn X (chết) và con bà Nguyễn Thị M; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có chồng và 02 người con với chồng trước (đã chết) (con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1997), 01 người con với chồng sau (con sinh năm 2005); tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

Từ ngày 04/02/2015, sau khi phạm tội tại Tây Ninh, Tăng Thị L bỏ trốn khỏi địa phương nên bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T3, tỉnh Tây Ninh ra quyết định truy nã về hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy". Ngày 01/4/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố bị can về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy". Ngày 01/5/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định truy nã. Ngày 25/5/2016, Công an tỉnh Tây Ninh bắt truy nã về hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy". Ngày 09/9/2016, Tòa án nhân dân huyện T3, tỉnh Tây Ninh xử phạt Tăng Thị L 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" (theo Bản án số 72/HSST ngày 09/9/2016).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/5/2016 trong một vụ án khác. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo L: Luật sư Nguyễn Trần Th – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1956. (có mặt)

Trú tại: đường H, Phường 1, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L1: Luật sư Trần Đăng S – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

(Trong vụ án còn có bị cáo Vương Duy H1 đã rút kháng cáo; các bị cáo Đặng Hoàng L1, Lê Thị Bảo A, Ngô Thị Cẩm V, Đào Thị H2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim Ph, Công ty TNHH Khách sạn H không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 22 giờ 20 ngày 16/11/2015, tại đầu hẻm 119 đường M, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy – Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp cùng Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy – Công an tỉnh Tây Ninh và Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy – Bộ Công an bắt quả tang Trần Thanh C và trong túi xách màu trắng để ở giữa baga xe gắn máy biển số 59L1-88231 mà C đang sử dụng, thu giữ trong túi xách 15 bánh chất bột màu trắng (qua giám định có chứa thành phần Heroin có trọng lượng là 5.267,47g, hàm lượng 67,49%). Qua điều tra ban đầu, C khai số ma túy thu giữ nêu trên là do C mua của Nguyễn Văn Ph nên tiếp đó, vào lúc 23 giờ 30 phút cùng ngày 16/11/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh khám xét chỗ ở của Ph tại 119/30 M, Phường 15, Quận 8 thu giữ 02 bánh chất bột màu trắng (qua giám định có chứa thành phần Heroin có trọng lượng 702,61g, hàm lượng 78,55%). Tiếp đến, vào ngày 18/11/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt khẩn cấp đối với Nguyễn Văn Ph và Đặng Hoàng L1 (L1 là cháu gọi Ph bằng cậu).

Qua điều tra ban đầu thì Ph, L1 có khai đã nhiều lần bán ma túy cho Trần Thanh C và Nguyễn Tuấn K. Từ đó, vào lúc 21 giờ ngày 09/01/2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Công an Phường 3, Quận 8 đã kiểm tra hành chính, khám xét nơi ở của K và Bảo A tại 314/30/1 đường A, Phường 3, Quận 8 và đã thu giữ số ma túy (qua giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng là 585,0373g loại Methamphetamine, Ketamine và 135,5304g loại Heroin) nên đã tiến hành bắt khẩn cấp đối với Lê Thị Bảo A vào lúc 21 giờ 30 phút ngày 10/01/2016, sau đó bắt khẩn cấp Nguyễn Tuấn K vào lúc 20 giờ ngày 11/01/2016. Đối với Lê Thị Bảo A ban đầu thừa nhận toàn bộ số ma túy thu giữ nêu trên là của mình nhưng sau này Bảo A khai lại rằng toàn bộ số ma túy thu giữ tại nhà là của K. Ngược lại, Nguyễn Tuấn K không thừa nhận có việc mua ma túy với Ph hay L1 và cũng không thừa nhận toàn bộ số ma túy thu giữ tại nhà là của mình, nhưng sau đó K chỉ thừa nhận một phần nhỏ số ma túy thu giữ trong hộc tủ bàn trang điểm (02 gói ma túy đá, cân nặng khoảng 2,4821g loại

Methamphetamine) là của K cất giữ để sử dụng, rồi sau này K lại phủ nhận số ma túy này không phải của mình và cho rằng toàn bộ số ma túy thu giữ là của Bảo A.

Bên cạnh đó, vào lúc 17 giờ 30 phút ngày 09/01/2016, tại quán ăn số 65 đường G, phường B, quận B1 thì Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy – Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt quả tang Trần Quang H và Vương Duy H1 đang cất giữ 12 gói nylon chứa tinh thể rắn không màu (qua giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng là 899,7286g loại Methamphetamine) và H khai là đang trên đường đi bán cho Đào Thị H2 100g trong số ma túy bị thu giữ nêu trên thì bị bắt. Do đó, cùng ngày 09/01/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đào Thị H2 tại nhà số 22/63 đường 21, Phường 8, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và đã thu giữ 02 gói nylon chứa chất tinh thể không màu (qua giám định ma túy ở thể rắn có khối lượng 54,5437g loại Methamphetamine) nên ngày 10/01/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã bắt tạm giam đối với Đào Thị H2.

Một hoạt động điều tra khác được thực hiện vào khoảng 22 giờ 40 phút ngày 09/01/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp cùng Công an phường B2, Quận 1 khám xét khẩn cấp Phòng số 301 Khách sạn T tại địa chỉ: 150/36 Đường N, phường B2, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh do Đỗ Thái D thuê và đã thu giữ 02 chìa khóa để trong áo khoác của D. Tiếp đến, vào lúc 22 giờ 45 phút cùng ngày 09/01/2016, Công an tiếp tục khám xét khẩn cấp phòng 402 khách sạn H tại địa chỉ số 82 đường T, phường B2, Quận 1 do Võ Xuân T thuê. Tại đây, Võ Xuân T đã lấy từ trong túi quần sau của Đỗ Thái D 01 chìa khóa (thẻ từ) rồi mở cửa phòng 402. Khi vào phòng, Công an phát hiện trong phòng có 01 valy màu tím đang bị khóa bằng 01 ổ khóa và T đã lấy 02 chìa khóa mà trước đó công an đã thu giữ từ trong túi áo khoác của D tại Phòng 301 Khách sạn T để mở khóa chiếc valy này (trước sự chứng kiến của D). Sau khi mở được ổ khóa valy, Công an phát hiện bên trong valy có chứa 17 gói nylon chứa tinh thể không màu, (qua giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 17.142,14g loại Methamphetamine).

Quá trình điều tra đã xác định được mối quan hệ mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy giữa các bị cáo gồm có 02 nhóm như sau:

1. Nhóm thứ 1: Hành vi mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy của các bị cáo Nguyễn Văn Ph, Đặng Hoàng L1, Trần Thanh C, Nguyễn Tuấn K, Tăng Thị L và Ngô Thị Cẩm V từ Campuchia về Thành phố Hồ Chí Minh để tiêu thụ.

Căn cứ lời khai của Nguyễn Văn Ph, Trần Thanh C, Đặng Hoàng L1, Tăng Thị L và Ngô Thị Cẩm V xác định được như sau:

Khoảng tháng 3/2014, Nguyễn Văn Ph thường qua Campuchia mua xe gắn máy đem về Việt Nam bán kiếm lời. Từ đó Ph có quan hệ quen biết với hai người đàn ông sinh sống tại Campuchia (không xác định được lai lịch) thường gọi là "T2" và "T3" rồi Ph nảy sinh ý định và đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy (Heroin).

1.1 Ph mua của T2 06 bánh Heroin: Ngày 05/01/2015, Nguyễn Văn Ph đưa hai người bạn quen biết khi ở tù chung trước đây có tên là Nguyễn Thị B và

Nguyễn Hưng L sang Campuchia chơi. Sau đó Ph mua 06 bánh Heroin của T2 với giá 54.000 USD, nhưng Ph mới trả trước 27.000 USD, còn nợ lại 27.000 USD. Sau khi mua xong Heroin thì Ph thuê B và L vận chuyển cả 06 bánh Heroin này về Việt Nam với tiền công vận chuyển là 2.000 USD nhưng Ph chưa thanh toán. B và L cất giấu 06 bánh Heroin trên vào 01 thùng mì tôm để mang về Việt Nam, khi đến cửa khẩu Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh thì bị Chi cục Hải quan Cửa khẩu quốc tế Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh phát hiện bắt quả tang Nguyễn Thị B và 06 bánh Heroin này (theo kết quả giám định có trọng lượng là 2.104,1467gam, hàm lượng 60,2%), còn L bỏ trốn.

Đối với hành vi vận chuyển 06 bánh Heroin này thì ngày 10/7/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã xét xử và tuyên phạt Nguyễn Thị B tử hình về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy".

1.2 Ph mua của T3 07 chuyến: Theo đó, Ph và T3 thỏa thuận về giá bán là 210.000.000 đồng/bánh Heroin (tương đương khoảng 9.400 USD/bánh Heroin), khi nào cần mua Heroin thì Ph điện thoại qua Campuchia cho T3 để đặt hàng và T3 thuê người vận chuyển ma túy về Việt Nam cho Ph hoặc giao cho người mà Ph chỉ định. Những người mà T3 thuê vận chuyển ma túy bao gồm: Phan Văn Q, Tăng Thị L, Ngô Thị Cẩm V cùng một thanh niên và một phụ nữ là người Campuchia (không xác định được lai lịch). Sau mỗi chuyến hàng mua bán xong Heroin thì Ph đem tiền Việt Nam quy đổi sang tiền USD rồi chuyển sang Campuchia trả cho T3 thông qua hệ thống xe khách của Công ty TNHH K chi nhánh L, Phường 3, Quận 5 (nhưng không xác định được nhân viên của Công ty TNHH K vận chuyển các khoản tiền này).

Vào tháng 6/2015 Ph mua của T3 04 bánh Heroin và từ tháng 8/2015 đến ngày 16/11/2015, Ph đã mua thêm của T3 06 chuyến ma túy với tổng cộng là 47 bánh Heroin. Như vậy, tổng cộng cả 07 chuyến Ph mua là 51 bánh Heroin và Ph đã bán ra 49 bánh Heroin (trong đó bán cho C 45 bánh Heroin). Chi tiết các chuyến như sau:

1.2.1 Chuyến thứ 1: Khoảng tháng 6/2015, T3 thuê Phan Văn Q vận chuyển 04 bánh Heroin đến khu vực chợ C, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh để giao cho Ph. Về phía Ph lại nhờ cháu rể của mình là Đặng Hoàng L1 trực tiếp nhận 04 bánh Heroin này rồi đem về giao lại cho Ph cất giấu. Nhưng sau đó, vào giữa tháng 8/2015 đến đầu tháng 9/2015 thì Ph lại giao lại cho Đặng Hoàng L1 cất giấu 04 bánh Heroin này và đưa số điện thoại của K cho L1 để L1 trực tiếp liên lạc rồi giao ma túy cho K.

Theo lời khai ban đầu của Ph và L1 thì việc giao 04 bánh Heroin giữa Ph, L1 cho K như sau:

+ Lần 1: khoảng giữa tháng 8/2015 (cùng khoảng thời gian Ph bán ma túy chuyến thứ 4 cho Trần Thanh C), K điện thoại cho Ph hỏi mua 01 bánh Heroin nên Ph điện thoại cho L1 bảo L1 điện thoại cho K để giao ma túy cho K. Sau đó, L1 hẹn K đến ngã ba đường Ng – Ng1 rồi giao cho K 01 bánh Heroin. Sau đó khoảng 03 ngày thì K đến nhà của Ph tại 119/30 M, Phường 15, Quận 8 thanh toán

cho Ph tiền mua 01 bánh Heroin là 220.000.000 đồng. Sau đó, Ph cho L1 1.000.000 đồng.

+ Lần 2: Cách lần 1 khoảng 02 ngày, K điện thoại cho Ph hỏi mua 01 bánh Heroin nên Ph điện thoại bảo L1 điện thoại cho K để giao ma túy cho K. Sau đó, L1 hẹn K đến ngã ba đường Ng – Ng1 rồi giao cho K 01 bánh Heroin. Qua ngày hôm sau, K đã mang số tiền 220.000.000 đồng để thanh toán tiền mua ma túy của Ph tại nhà số 119/30 M, Phường 15, Quận 8. Sau đó, Ph đã cho L1 1.000.000 đồng.

+ Lần 3: Khoảng đầu tháng 9/2015 (sau lần 2 khoảng 1 tuần), K điện thoại cho Ph hỏi mua 02 bánh Heroin nên Ph điện thoại bảo L1 điện thoại cho K để giao ma túy cho K, sau đó L1 hẹn K rồi giao 02 bánh Heroin cho K trên đường Ng1. Khoảng 02 ngày sau, K đã mang số tiền 440.000.000 đồng đến trả tiền mua 02 bánh Heroin cho Ph tại nhà 119/30 M, Phường 15, Quận 8. Sau đó, Ph đã cho L1 2.000.000 đồng.

Riêng Đặng Hoàng L1 ban đầu đã khai nhận rằng: Vào khoảng tháng 6 hoặc tháng 7/2015 thì Nguyễn Văn Ph có nhờ L1 đi đến chợ C, thuộc huyện H để nhận ma túy của một người không rõ lai lịch, rồi đem về giao lại cho Ph. Đến giữa tháng 8/2015, do Ph bị bệnh nên Ph đã giao cho L1 04 bánh Heroin để L1 cất giữ, rồi khi nào Ph điện thoại nói giao cho K thì L1 sẽ liên lạc và hẹn với K để giao, về các lần giao ma túy thì phù hợp với lời khai của Ph. Nhưng sau đó, L1 thay đổi lời khai rằng L1 có nhận của Ph 01 bịch nylon màu đen, bên trong có 03 túi nylon nhỏ cũng bằng nylon màu đen cùng số điện thoại của Nguyễn Tuấn K để L1 liên lạc với K và Ph dặn L1 khi nào Ph điện thoại thì L1 sẽ giao đồ cho K. Sau đó thì L1 đã 03 lần đem đồ giao cho K như đã nêu trên. Đồng thời, L1 khai nhận đến lần thứ 3 (vào khoảng tháng 9/2015) L1 giao đồ cho K giùm Ph thì L1 mới biết đó là đi giao ma túy (mà cụ thể là giao 02 bánh Heroin), còn những lần trước đó thì L1 không hề biết, sau đó thì L1 không phụ giúp cho Ph nữa.

Về phía Nguyễn Tuấn K, xuyên suốt quá trình điều tra đến nay, K đều không thừa nhận có việc mua 04 bánh Heroin từ Ph hay L1. Tuy nhiên, bà Nguyễn Kim Ph (là người sống chung như vợ chồng với Nguyễn Văn Ph) đã nhận dạng và bà Ph xác nhận rằng K là người đã tới nhà Ph nhiều lần, nhưng cũng không biết K tới để làm gì.

1.2.2 Chuyến thứ 2: Khoảng đầu tháng 8/2015, Trần Thanh C điện thoại cho Ph đặt mua 02 bánh Heroin nên Ph đã điện thoại cho T3 đặt mua ma túy thì T3 thuê Tăng Thị L và Ngô Thị Cẩm V đi xe ô tô vận chuyển 02 bánh Heroin đến Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Ph. Nguyễn Văn Ph không trực tiếp nhận Heroin mà thuê Đặng Hoàng L1 liên lạc rồi hướng dẫn Tăng Thị L và Ngô Thị Cẩm V trực tiếp giao 02 bánh Heroin này cho Trần Thanh C. Theo đó, L1 điện thoại hẹn gặp L và V tại ngã tư Quốc lộ 50 – Ng2 thuộc huyện B2, rồi L1 hướng dẫn cho L và V đi ô tô chạy theo L1 đến đường B, Quận 8, khi đến khu vực cầu số 2, Bến B, Quận 8 thì L1 hướng dẫn cho L và V giao Heroin cho Trần Thanh C. Sau đó, C đi bán 02 bánh Heroin này cho một người phụ nữ (không xác định được lai lịch) tại khu vực Bến xe C, Quận 6 với giá 225.000.000 đồng/bánh x 2 =

450.000.000 đồng, rồi C lấy ra 10.000.000 đồng tiền lời, còn lại 440.000.000 đồng thì C đem tiền giao cho Đặng Hoàng L1 tại một quán cafe thuộc khu vực xã B1, huyện B2 để L1 đem về giao cho Ph.

1.2.3 Chuyến thứ 3: Cách chuyến trước khoảng một tuần, Trần Thanh C điện thoại cho Ph đặt 02 bánh Heroin nên Ph điện thoại cho T3 đặt mua ma túy thì T3 thuê Ngô Thị Cẩm V và một thanh niên người Campuchia đi xe ô tô vận chuyển 02 bánh Heroin này đến Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Ph. Về phía Ph thì Ph nhờ Đặng Hoàng L1 liên lạc với V, hẹn gặp rồi hướng dẫn cho V và người thanh niên đi cùng giao 02 bánh Heroin cho C tại cầu số 2 thuộc khu vực Quận 8 thì V và người thanh niên trực tiếp giao 02 bánh Heroin cho Trần Thanh C. Sau đó, C đi bán 02 bánh Heroin này cho một người thanh niên (không xác định được lai lịch) với giá 225.000.000 đồng/bánh x 2 = 450.000.000 đồng, rồi C lấy ra 10.000.000 đồng tiền lời, còn lại 440.000.000 đồng thì C đem tiền giao cho Đặng Hoàng L1 tại khu vực cầu số 2, Bến B, Quận 8 để L1 đem về giao cho Ph.

1.2.4 Chuyến thứ 4: cách chuyến liền kề khoảng 02, 03 ngày, Trần Thanh C điện thoại cho Ph đặt mua 06 bánh Heroin nên Ph điện thoại cho T3 đặt mua thì T3 thuê Tăng Thị L đi bằng xe ô tô vận chuyển 06 bánh Heroin này đến Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Ph, nhưng Ph nhờ Đặng Hoàng L1 liên lạc rồi hướng dẫn Tăng Thị L với cách thức hướng dẫn như hai lần trước đó để L trực tiếp giao 06 bánh Heroin cho Trần Thanh C nhận tại khu vực cầu số 2, Bến B, Quận 8. Sau đó, C đi bán 06 bánh Heroin này cho một người thanh niên (không xác định được lai lịch) tại đường Bùi Minh Trực, Quận 8 với giá 225.000.000 đồng/bánh x 6 = 1.350.000.000 đồng, rồi C lấy ra 30.000.000 đồng tiền lời, còn lại 1.320.000.000 đồng thì C đem đến giao cho Đặng Hoàng L1 tại khu vực cầu số 2, Bến B, Quận 8 để L1 đem về giao cho Ph.

1.2.5 Chuyến thứ 5: cách chuyến liền kề khoảng 02, 03 ngày, Trần Thanh C điện thoại cho Ph đặt mua 08 bánh Heroin nhưng Ph điện thoại cho T3 đặt mua 10 bánh Heroin thì T3 thuê Tăng Thị L đi xe ô tô vận chuyển Heroin đến Thành phố Hồ Chí Minh, thông qua sự liên lạc hướng dẫn của Đặng Hoàng L1 thì L giao trực tiếp cho Nguyễn Văn Ph nhận tại khu vực cầu số 2, Bến B, Quận 8. Sau khi Ph nhận đủ 10 bánh Heroin xong thì Ph điện thoại bảo C đến nhận 08 bánh Heroin. Về phía C, sau khi nhận điện thoại của Ph thì C điện thoại cho người mua Heroin là một thanh niên (không xác định được lai lịch) giao tiền trước 1.800.000.000 đồng cho C tại khu vực cho X, Quận 8, C lấy trước 40.000.000 đồng tiền lời, còn lại 1.760.000.000 đồng thì C mang đến nhà của Ph tại 119/30 M, Phường 15, Quận 8 rồi thanh toán tiền, nhận 08 bánh Heroin và sau đó đã giao 08 bánh Heroin cho người thanh niên không rõ lai lịch tại khu vực chợ X, Quận 8.

1.2.6 Chuyến thứ 6: Khoảng vài ngày sau chuyến liền kề, Trần Thanh C điện thoại cho Ph đặt mua 12 bánh Heroin nên Ph điện thoại cho T3 đặt mua thì T3 thuê Tăng Thị L vận chuyển Heroin đến Thành phố Hồ Chí Minh rồi liên lạc giao 12 bánh Heroin trực tiếp cho Nguyễn Văn Ph tại phòng khách sạn trên tầng 2, số 22 đường T, Quận 5. Sau khi nhận Heroin xong, Ph điện thoại cho C thì C điện thoại cho người mua Heroin là người phụ nữ (không rõ lai lịch) hẹn đến giao 2.700.000.000 đồng cho C tại khu vực gần trường học xã B1, huyện B2 và C đã

lấy trước 60.000.000 đồng tiền lời, còn lại 2.640.000.000 đồng thì C đem đến nhà của Ph tại 119/30 M, Phường 15, Quận 8 giao cho Ph. Tại đây C thanh toán tiền rồi nhận 12 bánh Heroin đem về giao cho người phụ nữ (không rõ lai lịch) tại ngã tư Quốc lộ 50 - Ng2.

1.2.7 Chuyến thứ 7: Khoảng vài ngày sau chuyến liền kề, Trần Thanh C điện thoại cho Ph đặt mua 15 bánh Heroin nên Ph điện thoại cho T3 đặt mua thì khoảng ngày 10/11/2015, T3 thuê một phụ nữ (không xác định được lai lịch) khoảng 60 tuổi người Campuchia đi xe ô tô vận chuyển Heroin đến Thành phố Hồ Chí Minh rồi liên lạc giao 15 bánh Heroin trực tiếp cho Nguyễn Văn Ph nhận tại khu vực gần cổng Bệnh viện H, Quận 5. Sau khi nhận Heroin xong, Ph điện thoại bảo C đến nhận thì ngày 16/11/2015, C điện thoại cho người mua Heroin là người thanh niên đã mua chuyến thứ 2, hẹn đến giao 3.100.000.000 đồng (còn thiếu lại 275.000.000 đồng) cho C tại khu vực gần trường học xã B1, huyện B2. Sau khi nhận tiền, C đem đến nhà 119/30 M, Phường 15, Quận 8 giao cho Ph 3.100.000.000 đồng (còn thiếu lại 200.000.000 đồng) rồi nhận 15 bánh Heroin để giao cho người thanh niên này, nhưng mới ra tới hẻm 119 M, Phường 15, Quận 8 thì C bị phát hiện bắt quả tang cùng 15 bánh Heroin vào lúc 22 giờ 20 phút ngày 16/11/2015. Tiếp đó, vào lúc 23 giờ 30 phút cùng ngày 16/11/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã khám xét nhà của Ph và đã thu giữ 02 bánh Heroin. Sau đó, vào lúc 21 giờ ngày 09/01/2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã khám xét nơi ở của K và Bảo A và đã thu giữ 585,0373g ma túy ở thể rắn loại Methamphetamine, loại Ketamine và 135,5304g loại Heroin như đã nêu trên.

2. Nhóm thứ 2: Hành vi mua bán, vận chuyển ma túy từ các tỉnh phía Bắc tiêu thụ tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh do Trần Quang H, Vương Duy H1, Lê Thị Bảo A, Đào Thị H2, Đỗ Thái D và Võ Xuân T thực hiện.

2.1 Khoảng đầu tháng 01/2016 Trần Quang H điện thoại cho Vương Duy H1 tìm mua ma túy ở Hưng Yên đem vào Thành phố Hồ Chí Minh bán kiếm lời thì H1 đồng ý. H1 khai chỉ mua được 500 gam ma túy đá với giá 34.000.000 đồng/100g của một người thanh niên tên C1 tại Hưng Yên (không rõ lai lịch) rồi đi xe khách mang vào Thành phố Hồ Chí Minh. Khi H1 đến Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 09/01/2016 thì Quang H bảo H1 đem toàn bộ số ma túy đá mà H1 mang từ Hưng Yên vào đến khách sạn Sài Gòn Mới tại địa chỉ số 117/2 đường B, Phường 9, Quận 3 cho Quang H. Sau khi giao ma túy cho Quang H xong thì H1 ngủ lại tại đây.

Trong khoảng thời gian này, có một người thanh niên tên H3 (không rõ lai lịch) nhờ Đào Thị H2 mua giúp ma túy để bán lại kiếm lời nên H2 điện thoại cho Quang H hỏi mua 50g ma túy thì Quang H đồng ý. Theo Quang H khai thì trong lúc H1 đang ngủ, Quang H lấy 50g ma túy đá trong số ma túy mà H1 mang vào bán cho H2 với giá là 21.500.000 đồng, giao tại khu vực quận B1 nhưng H2 chưa thanh toán tiền. Về phía H2, sau khi mua ma túy xong đem về cất giấu tại nhà để giao lại cho người mua.

Đến chiều cùng ngày 09/01/2016, H2 tiếp tục điện thoại cho Quang H để hẹn trả tiền mua ma túy và đặt mua tiếp 100g ma túy đá thì Quang H hẹn gặp ở khu vực giao lộ đường 18B – G, quận B1. Sau đó, Quang H và H1 trả phòng khách sạn, mang hết số ma túy đi và sẽ gặp H2 nhận tiền, bán tiếp ma túy. Nhưng trên đường đi, cả hai ghé vào quán ăn thì bị Công an kiểm tra phát hiện bắt quả tang số ma túy trong túi (qua giám định có khối lượng 899,7286g loại Methamphetamine). Tiếp đó, Công an khám xét nơi ở của Đào Thị H2 tạm giữ hết số ma túy mà H2 mua trước đó là 50g (qua các kết luận giám định và kết luận giám định bổ sung là 54,5437g loại Methamphetamine).

2.2 Hành vi vận chuyển ma túy của Đỗ Thái D và Võ Xuân T:

Ngày 02/01/2016, một người thường gọi là Q (không xác định được lai lịch) điện thoại thỏa thuận thuê Đỗ Thái D vận chuyển một valy đựng ma túy từ Hải Phòng vào Thành phố Hồ Chí Minh với tiền công 100.000.000 đồng. Sau đó D cùng vợ tên là Nguyễn Ly Ph1 và Lê Trà M (là bạn của Ph1 - vợ D) đi du lịch ở Sapa chơi sau đó khi về Hải Phòng thì vợ D về nhà còn D và M đi về nhà Võ Xuân T ở Vĩnh Phúc (T là bố chồng của M). Khi gặp nhau do T than khổ nên D bảo có người thuê mang valy chứa ma túy vào Thành phố Hồ Chí Minh thì T đồng ý. Sau đó D và M đi vào Thành phố Hồ Chí Minh trước, đến ngày 06/01/2016, Q điện thoại bảo chuyển vali chứa ma túy vào Thành phố Hồ Chí Minh thì D nói đã tìm được người vận chuyển và cung cấp số điện thoại của T cho Q, đồng thời D điện thoại cho T bảo T từ Vĩnh Phúc đến Hải Phòng nhận ma túy và cho T số điện thoại người của Q để nhận ma túy. Sau khi T ra Hải Phòng thì T điện thoại vào số điện thoại mà D cho trước đó và có một số người thanh niên (không xác định được lai lịch) đến giao cho T trước 10.000.000 đồng để làm chi phí đi lại, rồi vào sáng ngày 07/01/2016, người thanh niên này đến giao cho T một valy đã bị khóa. Sau đó, T mang theo valy này đi xe taxi đến Hà Nội rồi đi tàu hỏa, đến ngày 09/01/2016 thì T vào đến Thành phố Hồ Chí Minh.

Khi T đến Thành phố Hồ Chí Minh thì D điện thoại bảo T đến khách sạn H thuê phòng nghỉ và T đã thuê phòng 402 của khách sạn H. Sau đó, D đến khách sạn H gặp T rồi T chỉ valy chứa ma túy màu tím để trong phòng 402 của khách sạn cho D và T đưa chìa khóa phòng 402 cho D rồi nói là đi thăm người thân.

Về phía Đỗ Thái D là người thuê phòng số 301 Khách sạn T tại địa chỉ: 150/36 Đường N, phường B2, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào lúc 22 giờ 40 phút ngày 09/01/2016, Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Công an phường B2 khám xét phòng 301 khách sạn T và thu giữ 02 chìa khóa để trong áo khoác của D. Tiếp đến, vào lúc 22 giờ 45 phút cùng ngày 09/01/2016, Công an tiếp tục khám xét khẩn cấp phòng 402 khách sạn H do Võ Xuân T thuê và tại đây, Võ Xuân T đã lấy từ trong túi quần sau của Đỗ Thái D 01 chìa khóa (thẻ từ) rồi mở cửa phòng 402. Khi vào phòng, Công an phát hiện trong phòng 402 có 01 valy màu tím đang bị khóa bằng 01 ổ khóa và T lại tiếp tục lấy 02 chìa khóa (02 chìa khóa này trước đó công an đã thu giữ từ trong túi áo khoác của D tại phòng 301 Khách sạn T) để mở khóa chiếc valy này trước sự chứng kiến của D. Sau khi mở được ổ khóa valy, Công an phát hiện bên trong valy có chứa 17 gói nylon chứa

tinh thể không màu (qua các kết luận giám định và kết luận giám định bổ sung là ma túy ở thể rắn có khối lượng 17.142,14g loại Methamphetamine).

2.3 Đối với hành vi Đỗ Thái D bán ma túy đá cho Lê Thị Bảo A:

Ngoài số ma túy thu giữ tại nhà của Lê Thị Bảo A và K thì Bảo A còn khai thêm rằng có 02 lần mua ma túy đá của Đỗ Thái D, mỗi lần 500g ma túy đá (một lần Trần Quang H giao trực tiếp và một lần là D giao trực tiếp). Tuy nhiên, về phía D thì D không thừa nhận có bán ma túy cho Bảo A. Còn đối với Trần Quang H thừa nhận có một lần giao ma túy đá cho Bảo A (500g ma túy đá) và số ma túy đá này do D nhờ H giao.

Tại cơ quan điều tra, các đối tượng khai nhận:

- Nguyễn Văn Ph và Trần Thanh C khai nhận phù hợp với nhau và phù hợp với nội dung đã nêu ở trên.

- Đặng Hoàng L1: ban đầu khai nhận vào khoảng tháng 6 hoặc tháng 7/2015 thì Nguyễn Văn Ph có nhờ L1 đi đến chợ C, thuộc huyện H để nhận ma túy của một người không rõ lai lịch, rồi đem về giao lại cho Ph. Đến giữa tháng 8/2015, do Ph bị bệnh nên Ph đã giao cho L1 04 bánh Heroin để L1 cất giữ, rồi khi nào Ph điện thoại nói giao cho K thì L1 sẽ liên lạc và hẹn với K để giao, về các lần giao ma túy thì phù hợp với lời khai của Ph. Sau đó, L1 thay đổi lời khai rằng L1 có nhận của Ph 01 bịch nylon màu đen, bên trong có 03 túi nylon nhỏ cũng bằng nylon màu đen cùng số điện thoại của Nguyễn Tuấn K để L1 liên lạc với K và Ph dặn L1 khi nào Ph điện thoại thì L1 sẽ giao đồ cho K. Sau đó thì L1 đã 03 lần đem đồ giao cho K như đã nêu trên. Ngoài ra, L1 còn khai nhận mình có hướng dẫn người của T3 giao ma túy cho Ph (qua nhận dạng thì L1 xác định Tăng Thị L và Ngô Thị Cẩm V là người của T3, đã giao Heroin cho C). Nhưng sau đó thì L1 thay đổi lời khai rằng đến lần thứ 3 (vào khoảng tháng 9/2015) giao đồ cho K giùm cho Ph thì L1 mới biết đó là đi giao ma túy (cụ thể là giao 02 bánh Heroin), còn những lần trước đó L1 không hề biết, và sau lần giao ma túy đó thì L1 không phụ giúp Ph nữa. L1 còn khai nhận về việc L1 vận chuyển đồ cho Ph được Ph cho 8.000.000 đồng.

- Nguyễn Tuấn K: suốt quá trình điều tra, K khai rằng không quen biết với Nguyễn Văn Ph và Đặng Hoàng L1 và cũng không thừa nhận có mua bán ma túy từ Ph hay L1 và cũng không thừa nhận toàn bộ số ma túy thu giữ tại nhà là của ai, nhưng sau đó K lại thừa nhận một phần nhỏ số ma túy thu giữ trong hộc tủ bàn trang điểm (02 gói ma túy đá, có khối khoảng 2,4821g loại Methamphetamine) là của K cất giữ để sử dụng, rồi sau này K lại phủ nhận số ma túy này không phải của mình và cho rằng toàn bộ số ma túy thu giữ là của Lê Thị Bảo A.

- Lê Thị Bảo A: ban đầu khai nhận toàn bộ số ma túy thu giữ là của mình, nhưng sau đó Bảo A thay đổi lời khai rằng số ma túy này là của Nguyễn Tuấn K. Ngoài ra, Bảo A còn khai vào khoảng tháng 12/2015, Bảo A 02 lần mua ma túy của Đỗ Thái D, trong đó một lần do Trần Quang H là người giao ma túy, còn một lần do D trực tiếp giao.

- Ngô Thị Cẩm V: khai rằng có quen biết với một người tên H nhỏ và một người tên T4 (không rõ lai lịch) tại Campuchia. Khoảng tháng 8/2015, T4 thuê V và Tăng Thị L đi theo xe ô tô vận chuyển đồ (theo V nghĩ đây là hàng cấm) cho H nhỏ từ cửa khẩu B4, Long An lên Thành phố Hồ Chí Minh giao cho khách hàng của H nhỏ thì sẽ được trả tiền công là 5.000.000 đồng/chuyến. Sau đó, T4 hẹn V và L tại cửa khẩu B4, Long An rồi T4 thuê sẵn xe ô tô chở V và L lên Thành phố Hồ Chí Minh để giao hàng cấm đựng trong một balo bằng vải, đã cột gút một đầu, có dây đeo. Khi đến khu vực huyện B2 thì L điện thoại cho người nhận đồ, rồi hẹn gặp ở ngã tư Quốc lộ 50 – Ng2, tiếp sau đó thì có một người chạy xe máy ra dẫn xe ô tô chạy về Quận 8 rồi khi đến khu vực bờ sông thì người này hướng dẫn dừng xe ô tô, tiếp đó L xuống xe giao đồ cho một người khác. Ngoài ra, cũng trong tháng 8/2015, còn có một lần V vận chuyển đồ cho H nhỏ, nhưng đi cùng với một người Campuchia bằng xe ô tô 4 chỗ, cũng với phương thức và địa điểm giao nhận như lần đi chung với L, tuy nhiên lần vận chuyển này thì V là người trực tiếp điện thoại cho người nhận và người Campuchia đi chung với V là người giao balo đồ cũng cho người đã nhận balo trong chuyến vận chuyển trước đi cùng L. Qua nhận dạng thì V nhận ra Đặng Hoàng L1 là người chạy xe máy dẫn đường cho V và L, còn Trần Thanh C là người đã nhận đồ). Tại Biên bản giao nhận Cáo trạng, V đã xác nhận là vận chuyển ma túy 02 lần.

- Tăng Thị L khai nhận rằng có quen biết với Ngô Thị Cẩm V và thông qua V, L biết một người Campuchia (không biết tên) mà L gọi là B (nghĩa là chú). B gợi ý thuê L và V vận chuyển balo tiền cho B từ cửa khẩu B4, Long An lên Thành phố Hồ Chí Minh giao cho khách hàng thì sẽ được trả công là 5.000.000 đồng/người. Vào khoảng tháng 8/2015 thì B hẹn gặp L và V tại cửa khẩu B4, Long An rồi đưa cho L và V 01 cái balo bằng vải, cột gút ở đầu và có dây đeo, B nói với L đây là tiền đem trả cho khách hàng, đồng thời B cung cấp số điện thoại người nhận để L liên lạc giao tiền. Sau đó, B thuê sẵn 01 chiếc ô tô chở V và L lên Thành phố Hồ Chí Minh và đưa mỗi người 5.000.000 đồng. Khi xe ô tô đi đến huyện B2 thì V liên lạc với người nhận thì người này đến hướng dẫn đi xe chở V và L về Quận 8 rồi V giao balo cho người nhận là một người đàn ông khác. Ngoài ra, Tăng Thị L còn một lần vận chuyển thuê balo tiền cho người tên B lên Thành phố Hồ Chí Minh với tiền công là 5.000.000 đồng, phương tiện di chuyển và cách thức liên lạc, cách thức giao nhận cũng giống như trong chuyến đi chung với V, nhưng lần này L trực tiếp giao balo tiền cho một người khoảng 50 tuổi. Qua nhận dạng thì L nhận ra Đặng Hoàng L1 là người chạy xe máy dẫn đường để giao balo tiền, Trần Thanh C là người đã nhận balo tiền trong lần vận chuyển đầu tiên và Nguyễn Văn Ph là người nhận balo trong lần vận chuyển thứ hai của L.

Đối với lần vận chuyển ma túy ở chuyến thứ 4 và chuyến thứ 6 nêu trên thì Tăng Thị L thì không thừa nhận có thực hiện việc giao nhận này.

- Trần Quang H: khai rằng H thỏa thuận với H1 mua 900g ma túy đá từ Hưng Yên mang vào Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó H đã lấy 50g bán cho Đào Thị H2 như nêu trên, số ma túy mà công an thu giữ trong balo của H là ma túy còn lại trong số ma túy do H1 mang vào.

- Vương Duy H1: khai rằng chỉ mang vào Thành phố Hồ Chí Minh 500g giao cho Quang H và vào chiều ngày 09/01/2016, H1 được H rủ đi ăn, H1 không biết H đi bán ma túy cho Hồng.

- Đỗ Thái D: quá trình điều tra ban đầu, D khai nhận có thuê Võ Xuân T vận chuyển ma túy từ Hải Phòng vào Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với lời khai ban đầu của T, phù hợp với hiện trường khám xét và tang vật thu giữ. Nhưng sau đó, D thay đổi lời khai, không thừa nhận có việc thuê T vận chuyển ma túy.

- Võ Xuân T: quá trình điều tra ban đầu T khai nhận về việc T đồng ý vận chuyển ma túy thuê cho D từ Hải Phòng vào Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với lời khai nhận ban đầu của D, nhưng sau đó T thay đổi lời khai, cho rằng không biết valy mà D thuê vận chuyển trong đó có chứa ma túy.

- Đào Thị H2: thừa nhận có mua của H 50g ma túy đá về cất giữ tại nhà và sau đó đã bị công an khám xét thu giữ, qua giám định là 54,5437g loại Methamphetamine.

Tại Bản án sơ thẩm số 266/HSST ngày 02/8/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Ph, Trần Thanh C, Nguyễn Tuấn K, Trần Quang H, Vương Duy H1 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; các bị cáo Tăng Thị L, Võ Xuân T phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy"; bị cáo Đỗ Thái D phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt: Nguyễn Văn Ph tử hình. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/11/2015, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt: Trần Thanh C tử hình. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/11/2015, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt: Tăng Thị L (tên gọi khác: Bảy) tử hình.

Áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Tổng hợp hình phạt tử hình về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" của bản án này với hình phạt 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" của Bản án số 72/HSST ngày 09/9/2016, bị cáo Tăng Thị L phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là tử hình.

Bị cáo Tăng Thị L bị tạm giam từ ngày 25/5/2016, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 35; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt: Đỗ Thái D tử hình về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" và 16 (mười sáu) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Tổng hợp hình phạt của hai tội, bị cáo Đỗ Thái D phải chấp hành hình phạt chung là tử hình. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/01/2016, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt: Võ Xuân T tử hình. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/01/2016, nay tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 34 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt: Nguyễn Tuấn K tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2016.

- Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 34 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt: Trần Quang H tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2016.

- Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt: Vương Duy H1 18 (mười tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2016.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Trích số tiền 2.790.000.000 đồng trong tổng số tiền 2.930.000.000 đồng (theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 18/11/2015 của Kho bạc nhà nước, người nộp tiền Mai Thị Lệ Quyên, nội dung nộp: tiền tạm giữ trong vụ án Nguyễn Văn Ph cùng đồng phạm "Mua bán trái phép chất ma túy" tại mục số 1) để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra bản án còn tuyên tội danh và hình phạt đối với các bị cáo không có kháng cáo, về xử lý các vật chứng khác và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 06/8/2018, bị cáo Vương Duy H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 21/6/2019, bị cáo Vương Duy H1 rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Ngày 07/8/2018, bị cáo Nguyễn Tuấn K kháng cáo kêu oan; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 kháng cáo về phần dân sự.

Ngày 08/8/2018, bị cáo Nguyễn Văn Ph, Trần Thanh C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Đỗ Thái D có đơn kháng cáo kêu oan.

Ngày 10/8/2018 bị cáo Tăng Thị L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 13/8/2018 bị cáo Võ Xuân T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 17/8/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Tuấn K.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn Ph, Trần Thanh C, Nguyễn Tuấn K, Trần Quang H, Đỗ Thái D, Võ Xuân T, Tăng Thị L và người có quyền và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị L1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 41/QĐ-VKS-P1 và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Văn Ph, Trần Thanh C, Nguyễn Tuấn K, Trần Quang H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; các bị cáo Tăng Thị L, Võ Xuân T phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy"; bị cáo Đỗ Thái D phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội. Mặc dù các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng số lượng ma túy các bị cáo mua bán và vận chuyển là đặc biệt lớn, phạm tội nhiều lần. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Nguyễn Văn Ph, Trần Thanh C, Tăng Thị L, Võ Xuân T, Đỗ Thái D hình phạt tử hình là phù hợp, tương xứng với hành vi của các bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Tuấn K, có đủ căn cứ xác định bị cáo có hành vi mua bán 1.404,6584g heroin với Nguyễn Văn Ph. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm, bị cáo có nhân thân rất xấu nên cần loại bỏ bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử tăng hình phạt đối với bị cáo từ chung thân lên tử hình.

Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị L1 yêu cầu được nhận lại 2.500.000.000 đồng trong số tiền 2.790.000.000 đồng tịch thu sung quỹ: Đây là tiền tạm giữ do phạm tội mà có nên Tòa án sơ thẩm tịch thu sung quỹ là đúng quy định. Việc bà L1 và Nguyễn Văn Ph vay mượn số tiền 2.500.000.000 đồng là giao dịch dân sự, không liên quan trong vụ án.

Từ những phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Ph, Trần Thanh C, Nguyễn Tuấn K, Trần Quang H, Đỗ Thái D, Võ Xuân T, Tăng Thị L và bà Nguyễn Thị L1; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; sửa một phần bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Tuấn K, tuyên phạt bị cáo hình phạt tử hình.

Luật sư Lưu Tấn Anh T bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Ph trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo Ph đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra, tự nguyện khai báo về các hành vi đã thực hiện trước đó; bị cáo có trình độ nhận thức và hiểu biết pháp luật cũng hạn chế;

hiện nay bị mắc nhiều bệnh mãn tính để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo xuống tù chung thân. Đồng thời cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy phần xử lý vật chứng của bản án sơ thẩm. Số tiền thu giữ của bị cáo không phải là tiền mua bán ma túy mà tiền bà L1 cho bị cáo mượn.

Luật sư Trần Đăng S bào chữa cho bị cáo Ph trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo Ph từ tử hình xuống tù chung thân và trả lại cho bị cáo số tiền 2.930.000.000 đồng vì đây không phải là tiền do bị cáo phạm tội mà có.

Luật sư Trần Đăng S bào chữa Trần Thanh C trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải bản thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, hoàn cảnh gia đình bị cáo có cha già và con còn nhỏ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo từ tử hình xuống chung thân. Đối với số tiền thu giữ tại nhà của bị cáo 1.214.500.000 đồng, sau khi cấn trừ 225.000.000 đồng tiền do phạm tội mà có thì phải hoàn trả cho bị cáo; cấp sơ thẩm tuyên tạm giữ là không đúng quy định.

Luật sư Nguyễn Thị Kim A bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tuấn K trình bày: Bị cáo K không thừa nhận việc buôn bán ma túy; vật chứng không thu giữ được; L1 và Ph khai loại ma túy bán cho K khác với loại thu giữ được tại nơi ở của K và Bảo A nên không có cơ sở quy kết K có hành vi mua bán ma túy. Số ma túy thu được tại nhà 314/30/1 đường A, Lê Thị Bảo A thừa nhận là của Bảo A; nhà 314/30/1 đường A không xác định được là của ai nên không có cơ sở buộc K phải chịu chung trách nhiệm với Bảo A. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tuấn K, tuyên bố bị cáo không phạm tội.

Luật sư Nguyễn Kim L bào chữa cho bị cáo Trần Quang H trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo D không thừa nhận việc giao cho H 500g ma túy để bán cho Bảo A nên không có căn cứ để truy cứu bị cáo H đối với số lượng này. Ngoài ra, đề nghị xem xét sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hiện tại hoàn cảnh gia đình của bị cáo hết sức khó khăn, cha mẹ già yếu, con còn nhỏ, gia đình thuộc hộ nghèo để giảm cho bị cáo xuống hình phạt tù có thời hạn.

Luật sư Nguyễn Văn S bào chữa cho bị cáo Đỗ Thái D trình bày: Bị cáo D không có nguồn hàng để bán cho Bảo A; lời khai của Bảo A lúc này, lúc khác, không thống nhất. Việc quy kết bị cáo mua bán 500g ma túy đá với Lê Thị Bảo A chỉ dựa trên cơ sở lời khai của H và Bảo A là chưa đủ cơ sở. Bị cáo không biết valy mà Q nhờ vận chuyển giùm từ Hải Phòng về Thành phố Hồ Chí Minh có chứa ma túy vì từ đầu đến cuối chiếc valy bị khóa; bị cáo không phải là người trực tiếp vận chuyển chiếc va ly này. Bị cáo có trình độ học vấn thấp, rất dễ bị các đối tượng khác lôi kéo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư Tạ Thanh Ph bào chữa cho bị cáo Võ Xuân T trình bày: Bị cáo T không biết valy mà Q nhờ vận chuyển giùm có chứa ma túy cho đến khi cơ quan điều tra yêu cầu mở valy ra. Mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là

quá nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo từ tử hình xuống chung thân để bị cáo có cơ hội thay đổi cuộc đời.

Luật sư Nguyễn Trần Th bào chữa cho bị cáo Tăng Thị L trình bày: Bị cáo L chỉ là đối tượng được thuê vận chuyển ma túy, khi thực hiện hành vi thì bị cáo không biết mình vận chuyển ma túy, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phân hóa vai trò của bị cáo trong vụ án, xem xét độ tuổi của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo từ tử hình xuống tù chung thân.

Luật sư Trần Đăng S bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L1 trình bày: Số tiền thu giữ tại nhà Ph có 2.500.000.000 đồng là tiền bà L1 cho bị cáo mượn để mua nhà. Đây là tiền có được từ giao dịch dân sự hợp pháp nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bà Nguyễn Thị L1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Ph, Trần Thanh C, Nguyễn Tuấn K, Vương Duy H1, Trần Quang H, Đỗ Thái D, Võ Xuân T, Tăng Thị L, bà Nguyễn Thị L1 và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Do đó, kháng cáo, kháng nghị hợp lệ, được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 21/6/2019, bị cáo Vương Duy H1 đã rút lại toàn bộ kháng cáo. Ngày 02/01/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Thông báo số 01/2020/TB-TA thông báo về việc rút kháng cáo của bị cáo. Phần quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Vương Duy H1 có hiệu lực pháp luật thi hành.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Văn Ph, Trần Thanh C, Trần Quang H, Tăng Thị L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của các bị cáo còn một số điểm mâu thuẫn nhưng cơ bản phù hợp với lời khai của các bị cáo Đặng Hoàng L1, Đào Thị H2, Lê Thị Bảo A, Vương Duy H1, Ngô Thị Cẩm V, lời khai của người liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, biên bản bắt người phạm tội quả tang, các biên bản nhận dạng, biên bản đối chất, các kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, được xét hỏi công khai tại phiên tòa, như vậy đủ cơ sở xác định:

Trong khoảng tháng 01 đến tháng 11/2015, Nguyễn Văn Ph qua Campuchia mua tổng cộng 57 bánh heroin của các đối tượng tên T2, T3 (không rõ lai lịch, sống tại Campuchia), sau đó thuê người vận chuyển về Việt Nam để tiêu thụ. Trong đó có 06 bánh heroin Ph mua của T2, trên đường vận chuyển về Việt Nam đã bị lực lượng chức năng bắt quả tang. Số lượng 51 bánh heroin còn lại Ph mua

của T3 với giá 210.000.000 đồng/bánh, về bán lại ở Thành phố Hồ Chí Minh với giá 220.000.000 đồng/bánh. Trong tổng số 51 bánh Heroin mà Ph mua của T3 thì Ph đã bán ra 49 bánh Heroin, giữ lại tại nhà 02 bánh Heroin thì bị công an thu giữ vào ngày 16/11/2015. Trong số 49 bánh Heroin mà Ph đã bán ra thì Ph bán cho Trần Thanh C 45 bánh Heroin với giá 220.000.000 đồng/bánh Heroin và C đã tiêu thụ xong 30 bánh Heroin cho các đối tượng khác (không rõ lai lịch) với giá 225.000.000 đồng/bánh Heroin, còn 15 bánh Heroin C vừa nhận từ Ph xong, đi ra tới đầu hẻm nhà Ph chưa kịp giao thì bị bắt quả tang. Số lượng 04 bánh heroin còn lại, Ph bán cho Nguyễn Tuấn K.

Quá trình bán 51 bánh heroin cho Ph, T3 đã thuê nhiều người vận chuyển ma túy từ Campuchia về Thành phố Hồ Chí Minh giao ma túy cho Ph, cụ thể: Phan Văn Q là người vận chuyển 04 bánh Heroin; Ngô Thị Cẩm V là người vận chuyển 02 chuyến, tổng cộng là 04 bánh Heroin; Tăng Thị L là người vận chuyển 03 chuyến, tổng cộng 18 bánh Heroin. Đặng Hoàng L1 (là cháu của Nguyễn Văn Ph) được Ph nhờ nhận 04 bánh Heroin từ Phan Văn Q, giúp Ph bán 04 bánh heroin cho K và là người hướng dẫn cho V, L giao ma túy trực tiếp cho C hoặc giao cho Ph rồi nhận tiền từ C đem về giao lại cho Ph tổng cộng 20 bánh Heroin.

Trên cơ sở lời khai của Ph và L1, Cơ quan công an khám xét nhà của Nguyễn Tuấn K và Lê Thị Bảo A tại số 314/30/1 đường A thu giữ 135,5304g Heroin và 585,0373g ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine, và loại Ketamine. Ngoài ra, Lê Thị Bảo A còn có hành vi mua 500g ma túy của Đỗ Thái D thông qua Trần Quang H.

Trần Quang H có hành vi bán 54,5437g loại Methamphetamine cho Đào Thị H2 vào sáng ngày 09/01/2016; chiều tối cùng ngày, H và Vương Duy H1 mang khối lượng là 899,7286g loại Methamphetamine đi tiêu thụ thì bị bắt quả tang.

Cũng trong ngày 09/01/2016, Võ Xuân T và Đỗ Thái D có hành vi vận chuyển 01 chiếc valy có chứa 17.142,14g ma túy loại Methamphetamine cho 01 người tên Q (chưa rõ lai lịch, địa chỉ) từ Hải Phòng đến Thành phố Hồ Chí Minh để tiêu thụ.

Với những hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử các bị cáo Nguyễn Văn Ph, Trần Thanh C, Trần Quang H, Nguyễn Tuấn K phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; bị cáo Tăng Thị L, Võ Xuân T phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy"; Đỗ Thái D phạm 02 tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và "Vận chuyển trái phép chất ma túy" theo khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của nhà nước về chất ma túy, là nguyên nhân gây nên nhiều tệ nạn xã hội cũng như các loại tội phạm khác.

[2.2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn Ph, Trần Thanh C, Trần Quang H, Tăng Thị L:

Các bị cáo thực hiện việc mua bán ma túy, vận chuyển ma túy với khối lượng đặc biệt lớn, phạm tội nhiều lần, riêng bị cáo Ph đã có nhiều tiền án, chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội đặc biệt nguy hiểm; bị cáo L từng bị xử phạt về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và bị truy nã về hành vi mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy khác. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá vai trò của từng bị cáo, xem xét khối lượng ma túy mà từng bị cáo thực hiện hành vi mua bán, vận chuyển; đồng thời xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo C có trình độ học vấn thấp, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có con nhỏ…; từ đó xử phạt bị cáo Ph, C, L hình phạt tử hình, bị cáo H tù chung thân là phù hợp với quy định pháp luật, tương xứng với tính chất hành vi phạm tội và hậu quả mà các bị cáo gây ra.

Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Văn Ph, Trần Thanh C, Trần Quang H, Tăng Thị L không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Tuấn K và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo K:

[2.3.1] Đối với hành vi mua bán 04 bánh heroin với Nguyễn Văn Ph và Đặng Hoàng L1:

Tại bản tự khai ngày 17/11/2015, bị cáo Ph khai *"Chuyến thứ 1 khoảng tháng 9/2015 tôi nhờ L1 giao cho K 1 bánh heroin….chuyến thứ 2 cách chuyến 1 khoảng 2 ngày tôi cũng nhờ L1 giao cho K 1 bánh heroin….chuyến thứ 3 cách chuyến thứ 2 khoảng 1 tuần tôi cũng nhờ L1 giao cho K 2 bánh heroin",* K trả tiền tại nhà của Ph (BL122-123). Lời khai này phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại biên bản ghi lời khai ngày 17/11/2015 (BL102-104), biên bản hỏi cung ngày 11/01/2016 (BL107), ngày 17/8/2016 (BL117-118).

Lời khai của bị cáo Đặng Hoàng L1 tại bản tự khai ngày 17/11/2015 (BL308) xác định: *"Đến khoảng tháng 9 tôi đã trực tiếp 3 lần nhận ma túy từ cậu Ph đi giao cho 1 người tên K (2 lần mỗi lần giao 1 bánh heroin và 1 lần giao 2 bánh heroin"*. Tương tự, bản tự khai ngày 18/11/2015 (BL310), lời khai tại biên bản hỏi cung ngày 01/12/2015 (BL297-298), biên bản ghi lời khai ngày 11/01/2016 (BL299), L1 cũng khai thống nhất với nhau, xác định Ph nhờ L1 giao ma túy cho K 03 lần; lần đầu là vào tháng 9/2015, số lượng 01 bánh; lần hai cách đó 01 đến 02 ngày, số lượng 01 bánh và lần thứ 3 cách lần thứ hai 01 tuần, số lượng 02 bánh; L1 không nhận tiền mà sau đó K trả tiền tại nhà Ph.

Lời khai của bà Nguyễn Kim Ph – vợ bị cáo Ph khai tại biên bản ghi lời khai ngày 17/11/2015 (BL967968) như sau: *"Tôi biết có 03 người thường xuyên tới nhà của Ph gồm người tên Đức, một người tên D và một người tên là K thường xuyên tới nhà gặp Ph. Tôi thấy Ph có số tiền lớn nên tôi có nghi ngờ Ph hoạt động mua bán trái phép chất ma túy"*. Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/11/2015 (BL969-970) bà Ph vẫn khẳng định K là 01 trong 03 người thường lui tới nhà Ph.

Tại các biên bản nhận dạng ngày 17/11/2015 (BL 873, 908, 925), Nguyễn Văn Ph, Đặng Hoàng L1 xác định Nguyễn Tuấn K là người mà Ph nhờ L1 giao

ma túy 03 lần, lần 01 và 02 giao 01 bánh; lần 3 giao 02 bánh; bà Nguyễn Kim Ph – vợ bị cáo Ph nhận dạng K là người đã đến nhà Ph 6 đến 7 lần.

Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của của Nguyễn Văn Ph và Đặng Hoàng L1 trong quá trình điều tra đều thống nhất với nhau về đối tượng mua bán là Nguyễn Tuấn K, số lượng mua bán, số lần giao ma túy, khoảng thời gian mua bán ma túy và cách thức thanh toán. Đồng thời phù hợp với lời khai của bà Nguyễn Kim Ph, xác định K là đối tượng thường lui tới nhà Ph để giao dịch. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận Nguyễn Tuấn K đã có hành vi mua bán 1.404,6584g heroin (04 bánh heroin) với Nguyễn Văn Ph, Đặng Hoàng L1.

[2.3.2] Đối với hành vi mua bán 135,5304g Heroin và 585,0373g ma túy loại Methamphetamine, Ketamine:

Nguyễn Văn Ph và Đặng Hoàng L1 không quen biết với Lê Thị Bảo A. Việc cơ quan điều tra tiến hành khám xét nhà 314/30/1 Đường A là do Ph, L1 có lời khai về lai lịch, nơi cư trú của K – người mua ma túy của Ph. Trên cơ sở lời khai của Ph và L1, cơ quan điều tra mới tiến hành khám xét nơi ở của Nguyễn Tuấn K tại nhà 314/30/1 Đường A, thu giữ được khối lượng ma túy nêu trên. Lúc này, cơ quan điều tra mới phát hiện trong nhà có Lê Thị Bảo A và tiếp tục điều tra làm rõ đường dây ma túy liên quan tới Bảo A.

Tại biên bản ghi nhận sự việc ngày 09/01/2016, có sự chứng kiến của chính quyền địa phương và lời khai trong quá trình điều tra K xác định sống chung với Bảo A trong căn phòng có ma túy bị thu giữ. Lời khai ban đầu của Lê Thị Bảo A xác định số ma túy này là của bị cáo nhưng sau đó bị cáo thay đổi lời khai xác định số ma túy trên là của Nguyễn Tuấn K. Bị cáo K không thừa nhận, tuy nhiên tại biên bản ghi lời khai ngày 21/01/2016, 25/01/2016 (BL253-254) và bản tự khai ngày 21/01/2016 do chính bị cáo viết (BL261), bị cáo lại thừa nhận trong số ma túy thu giữ tại nhà có 2,4821g là của bị cáo tàng trữ để sử dụng. Xét thấy, 135,5304g Heroin và 585,0373g ma túy đá được thu giữ trong phòng ngủ của Nguyễn Tuấn K và Lê Thị Bảo A; các bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với số lượng ma túy này.

Tại biên bản ghi lời khai và tại các bản tự khai trong quá trình điều tra (BL512-514, 535-538), Bảo A khai nhận số ma túy thu giữ được tại nhà bị cáo mua về mục đích để bán kiếm lời. Lời khai của bị cáo Đặng Hoàng L1 và Nguyễn Văn Ph đều xác định có mua bán ma túy cho Nguyễn Tuấn K như đã phân tích ở mục [2.3.1] nên có đủ căn cứ xác định bị cáo K là đối tượng mua bán ma túy để kiếm lời.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo K phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mua bán khối lượng 135,5304g Heroin và 585,0373g ma túy loại Methamphetamine, Ketamine nêu trên là có căn cứ.

[2.3.3] Bị cáo Nguyễn Tuấn K đã có hành vi mua bán ma túy với khối lượng đặc biệt lớn, bản thân bị cáo đã có tiền án, chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt cao nhất là tử hình mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo K; cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Tuấn K.

[2.4] Xét kháng cáo của bị cáo Đỗ Thái D, Võ Xuân T:

Bị cáo Đỗ Thái D cho rằng việc quy kết bị cáo bán cho Lê Thị Bảo A 500g ma túy là không đúng. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của Lê Thị Bảo A và Trần Quang H thống nhất xác định Bảo A có mua của D 500g ma túy, H chính là người giúp D giao ma túy cho Bảo A; Bảo A và D đều thừa nhận có việc Bảo A đưa cho D số tiền 270.000.000 đồng. Bị cáo D cho rằng số tiền này là tiền Bảo A trả nợ cho D nhưng không có chứng cứ chứng minh, không được Bảo A thừa nhận. Do đó, có căn cứ xác định D đã bán cho Bảo A 500g ma túy như Tòa án cấp sơ thẩm quy kết.

Đối với hành vi vận chuyển 17.142,14g ma túy loại Methamphetamine từ Hải Phòng vào Thành phố Hồ Chí Minh: Tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Thái D và Võ Xuân T cho rằng bản thân không biết chiếc valy có chứa chất ma túy nên không có căn cứ buộc tội các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai ban đầu của các bị cáo D (bản tự khai, biên bản ghi lời khai ngày 10/01/2016, BL437-440) và bị cáo T (biên bản hỏi cung ngày 02/02/2016, BL728-729) đều thống nhất khai nhận D được người tên Q nhờ vận chuyển ma túy từ Hải Phòng vào Thành phố Hồ Chí Minh với giá 100 triệu đồng; sau đó D nói với T thực hiện, T đồng ý và nhận hàng, vận chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh bằng đường tàu hỏa, D là người giữ chìa khóa của chiếc valy. Khi lực lượng Công an bắt quả tang đã lập biên bản về việc sử dụng chìa khóa do D cất giữ để mở valy có chứa ma túy mà T vận chuyển; các bị cáo đều ký tên vào biên bản ghi nhận sự việc. Do đó, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo biết và đã vận chuyển trái phép số lượng 17.142,14g ma túy nêu trên.

Mặc dù đã áp dụng cho các bị cáo đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ nhưng với khối lượng ma túy mua bán, vận chuyển nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Đỗ Thái D, Võ Xuân T hình phạt tử hình là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Kháng cáo của bị cáo Đỗ Thái D, Võ Xuân T không có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 và kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Ph về xử lý vật chứng:

Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị L1 khai nhận rằng trong số tiền 2.790.000.000 đồng thu giữ tại nhà Ph thì có số tiền 2.500.000.000 đồng bà L1 cho Ph để mua nhà. Xét thấy lời khai của Ph và C đều xác định vào ngày 16/11/2015 C đến nhà Ph mua 15 bánh heroin, đã trả tiền cho Ph, khi C đi đến đầu hẻm nhà Ph thì bị cơ quan điều tra bắt quả tang. Ngay sau đó cơ quan điều tra khám xét nhà Ph và thu giữ số tiền trên. Như vậy, có căn cứ xác định 2.790.000.000 đồng là số tiền có được từ việc mua bán trái phép chất ma túy. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tịch thu sung quỹ là đúng quy định pháp luật. Việc vay tiền

giữa Ph và bà L1 nếu có thì cũng là giao dịch dân sự, không liên quan đến hành vi phạm tội của Ph nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết là có căn cứ.

[2.6] Đối với yêu cầu của bị cáo Trần Thanh C và người bào chữa cho bị cáo về việc hoàn trả cho bị cáo số tiền 1.214.500.000 đồng, sau khi cấn trừ 225.000.000 đồng: Phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Trần Thanh C hình phạt bổ sung buộc nộp số tiền 150.000.000 đồng sung quỹ nhà nước; đồng thời tịch thu số tiền 225.000.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có. Để đảm bảo việc thi hành án, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tạm giữ số tiền 1.214.500.000 đồng thu giữ của bị cáo là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Việc hoàn trả cho bị cáo số tiền còn lại được thực hiện trong quá trình thi hành án, thuộc trách nhiệm của cơ quan thi hành án, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; sửa án sơ thẩm theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Tuấn K.

Quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Các bị cáo Nguyễn Văn Ph, Trần Thanh C, Nguyễn Tuấn K, Trần Quang H, Đỗ Thái D, Võ Xuân T, Tăng Thị L và bà Nguyễn Thị L1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự:

1/. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Ph, Trần Thanh C, Nguyễn Tuấn K, Trần Quang H, Tăng Thị L, Đỗ Thái D, Võ Xuân T và kháng cáo của bà Nguyễn Thị L1.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 41/QĐ-VKS-P1 ngày 16/8/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 266/2018/HS-ST ngày 02/8/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Tuấn K.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Ph, Trần Thanh C, Nguyễn Tuấn K, Trần Quang H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; các bị cáo Tăng Thị L, Võ Xuân T phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy"; bị cáo Đỗ Thái D phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt: **Nguyễn Văn Ph Tử hình**. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/11/2015. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt: **Trần Thanh C Tử hình.** Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/11/2015. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt: **Tăng Thị L** (tên gọi khác: Bảy) **Tử hình**.

Áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Tổng hợp hình phạt tử hình về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" của bản án này với hình phạt 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" của Bản án số 72/HSST ngày 09/9/2016, bị cáo Tăng Thị L phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là Tử hình.

Bị cáo Tăng Thị L bị tạm giam từ ngày 25/5/2016, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 35; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt: **Đỗ Thái D Tử hình** về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" và **16 (mười sáu) năm tù** về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Tổng hợp hình phạt của hai tội, bị cáo Đỗ Thái D phải chấp hành hình phạt chung là Tử hình.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/01/2016, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt: **Võ Xuân T Tử hình**. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/01/2016. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 34 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt: **Nguyễn Tuấn K Tử hình**. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/01/2016. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 34 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt: **Trần Quang H Tù chung thân**, thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2016. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Trích số tiền 2.790.000.000 đồng trong tổng số tiền 2.930.000.000 đồng (theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 18/11/2015 của Kho bạc nhà nước, người nộp tiền Mai Thị Lệ Quyên, nội dung nộp: tiền tạm giữ trong vụ án Nguyễn Văn Ph cùng đồng phạm "Mua bán trái phép chất ma túy" tại mục số 1) để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

2/. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn Ph, Trần Thanh C, Nguyễn Tuấn K, Trần Quang H, Tăng Thị L, Đỗ Thái D, Võ Xuân T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L1 phải chịu 300.000 đồng.

4/. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, các bị cáo bị tuyên án tử hình được quyền gửi đơn xin ân giảm hình phạt tử hình lên Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Công an TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Trại tạm giam Công an TP.HCM (8);
- ĐS (1);
- Lưu VP (3), HS (2).22b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thanh Dũng